



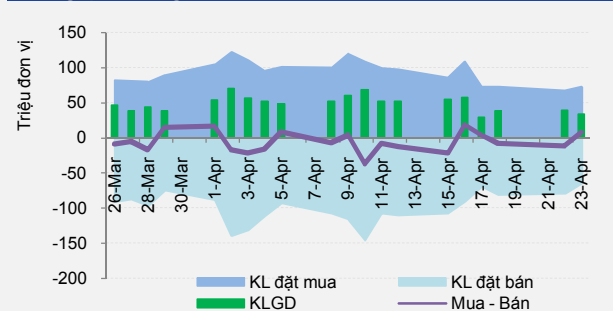
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 23/4/2013

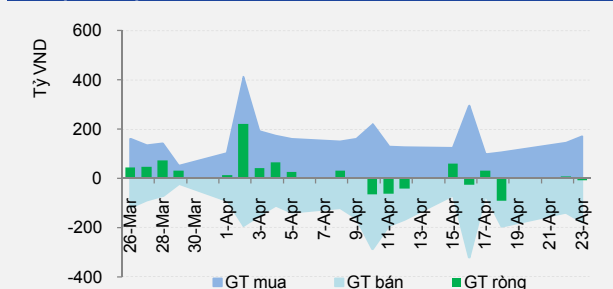
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	473.7	58.2
% Thay đổi	↑ 1.1%	↑ 1.1%
KLGD (CP)	34,007,430	21,127,930
GTGD (tỷ đồng)	617.13	164.31
Tổng cung (CP)	64,719,310	43,755,200
Tổng cầu (CP)	72,363,260	48,911,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	5,119,020	717,700
KL mua (CP)	4,042,250	987,100
GTmua (tỷ đồng)	169.58	21.05
GT bán (tỷ đồng)	177.53	11.88
GT ròng (tỷ đồng)	(7.96)	9.18

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.93%	7.3	1.4	0.9%
Công nghiệp	↑ 0.25%	16.0	0.9	15.0%
Dầu khí	↓ -0.52%	5.5	0.9	2.2%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.81%	8.1	1.4	1.6%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.31%	7.3	2.4	0.5%
Hàng Tiêu dùng	↑ 1.12%	12.8	5.3	23.9%
Ngân hàng	↑ 0.97%	5.5	1.4	8.7%
Nguyên vật liệu	↑ 0.93%	7.9	2.1	12.2%
Tài chính	↑ 1.11%	23.2	2.5	26.2%
Tiền tệ Cộng đồng	↑ 2.09%	9.9	3.3	8.9%
VN - Index	↑ 1.12%	13.2	3.1	79.2%
HNX - Index	↑ 1.06%	13.9	1.4	20.8%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Sau phiên giảm điểm hôm qua thì cả hai chỉ số VN-Index và HNX-Index đều giảm điểm qua dải dưới của dải bollinger band. Với tín hiệu này thì thị trường đã có phiên phục hồi trở lại trong phiên giao dịch ngày hôm nay. Tuy nhiên khối lượng giao dịch lại sụt giảm so với phiên hôm qua cho thấy lực cầu giảm khi thị trường tăng điểm. Với những tín hiệu kỹ thuật hiện tại thì xác suất thị trường phục hồi vững chắc là không cao. Nhà đầu tư đã thực hiện chiến lược giảm tỷ trọng cổ phiếu về mức an toàn như các khuyến nghị trước đó của chúng tôi tiếp xem xét duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp. Mức hỗ trợ trung hạn cho chỉ số VN-Index là khu vực 450 điểm. . Mức hỗ trợ trung hạn cho chỉ số HNX-Index là khu vực 54 điểm.

- VN-Index tăng điểm nhẹ lên mức 473.69 điểm, tăng 5.26 điểm tương ứng với mức 1.12% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 37.04 triệu đơn vị, tăng 5.18% so với phiên trước.

- HNX-Index tăng điểm nhẹ lên mức 58.22 điểm, tăng 0.61 điểm tương ứng với mức 1.06% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 25.49 triệu đơn vị, giảm 5.25% so với phiên trước.

- Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam Vinacomin vừa đề xuất Chính phủ cho phép tăng giá bán than cho ngành điện. Theo Vinacomin, trong năm 2012, giá bán than cho điện đã hai lần được điều chỉnh vào tháng 7 và tháng 9, với mức tăng lần lượt là 10-11.5% và 28-40%. Với mức điều chỉnh này, giá than bán cho điện từ mức dưới 50% giá thành hiện tăng lên bằng 71 - 73% giá thành sản xuất năm 2011 đã được kiểm toán, 63-69% giá thành năm 2013. Vinacomin đã đề nghị Chính phủ cho phép điều chỉnh giá than theo lộ trình, cuối quý I/2013 ngang bằng giá thành năm 2011 đã được kiểm toán, quý III/2013 bằng giá thành năm 2013, sau đó tiến tới theo giá thị trường như chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Nếu giá than bán cho điện được điều chỉnh tăng bằng giá thành năm 2011, giá bán than sẽ tăng thêm khoảng 37-40%. Mức độ tăng giá sẽ phụ thuộc vào quyết định của Chính phủ. Với thực tế tình hình hạn hán khiến sản xuất điện năm 2013 phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu than, khí, áp lực điều chỉnh tăng giá than cho điện đang đến gần.

- Hôm nay 26,000 lượng vàng NHNN thực hiện đấu thầu đã được bán hết, với giá trúng thầu từ 42.04 - 42.12 triệu đồng/lượng, thấp hơn so với mức giá 42.15 mà các doanh nghiệp kinh doanh vàng bán ra trên thị trường. Nhu cầu mua vàng vật chất trên thị trường vẫn khá mạnh, khi giá vàng giảm xuống mức hấp dẫn. Chênh lệch giữa giá vàng trong nước và Thế giới vẫn trên 6 triệu đồng/lượng, mức chênh hấp dẫn cho hoạt động nhập lậu vàng. Giá mua vào USD tại Vietcombank tiếp tục được điều chỉnh tăng nhẹ, hiện ở mức 20,900/20,950. Tỷ giá VND/USD trên thị trường tự do hiện khoảng 21,300 VND, không biến động so với ngày trước đó.

- Sau 10 phiên đấu thầu liên tiếp tính từ cuối tháng 3, NHNN đã bán ra thị trường 289,400 lượng vàng, tương đương khoảng 11 tấn. Ngân hàng vẫn là đối tượng chủ yếu thực hiện mua vàng trong thời gian qua, chiếm tỷ lệ khoảng 70%. Trong phiên hôm nay, trong số 8 đơn vị trúng thầu, Ngân hàng chiếm tỷ lệ 6/8, tương đương 75%. Thực tế này cho thấy nhu cầu mua vàng tất toán tài khoản đúng thời hạn 30/6 của các Ngân hàng là không nhỏ. Tại thời điểm đầu năm, còn khoảng 12 đơn vị chưa tất toán xong và lượng vàng còn thiếu ước khoảng gần 20 tấn, trong đó một nửa là nhu cầu vàng của SCB.

- Sau 5 ngày không biến động, ngày 22/4/2013, quỹ VNM ETF đã giảm 200,000 chứng chỉ quỹ lưu hành, tương đương giảm khoảng 3.7 triệu USD tài sản quỹ. Quỹ FTSE tính đến ngày 18/4, vẫn duy trì số lượng chứng chỉ quỹ ngày thứ 5 liên tiếp.

VN-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng điểm nhẹ lên mức 473.69 điểm, tăng 5.26 điểm tương ứng với mức 1.12% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ so với phiên trước và ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số VN-Index điều chỉnh về mức hỗ trợ 460 điểm thì đã quay đầu tăng điểm trở lại. Tuy nhiên động lực tăng điểm của chỉ số VN-Index từ mức hỗ trợ này chủ yếu bắt nguồn từ sự tăng điểm của một số mã cổ phiếu có vốn hóa lớn.

- Chỉ số VN-Index tăng điểm qua mức MA20 và sau đó tiếp tục tăng điểm qua mức 498-500 điểm tạo mức cao nhất trong hơn hai năm gần đây. Nhưng sau đó chỉ số VN-Index đã không kiểm định thành công mức này và giảm điểm trở lại về dưới mức 498-500.

Nhận định: Sau phiên giảm điểm hôm qua thì chỉ số VN-Index tiếp cận với mức hỗ trợ của mức đáy ngắn hạn vào cuối tuần trước (466 điểm) cũng như giảm qua dải dưới của dải bollinger band thì chỉ số VN-Index đã phục hồi trở lại trong phiên hôm nay. Tuy nhiên khối lượng giao dịch lại sụt giảm so với phiên hôm qua cho thấy lực cầu giảm khi chỉ số VN-Index tăng điểm. Với những tín hiệu kỹ thuật hiện tại thì xác suất chỉ số VN-Index phục hồi vững chắc là không cao. Nhà đầu tư đã thực hiện chiến lược giảm tỷ trọng cổ phiếu về mức an toàn như các khuyến nghị trước đó của chúng tôi tiếp xem xét duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp. Mức hỗ trợ trung hạn cho chỉ số VN-Index là khu vực 450 điểm.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng điểm nhẹ lên mức 58.22 điểm, tăng 0.61 điểm tương ứng với mức 1.06% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ so với phiên trước và ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số HNX-Index giảm điểm mạnh từ giữa tháng 2. Khi chỉ số HNX-Index tiếp cận với khu vực 59 điểm đã phục hồi nhẹ trở lại và hình thành khu vực sideways với biên độ hẹp từ đầu tháng Ba đến giữa tháng Bốn.

- MA200 hướng xuống cho thấy xu hướng dài hạn của HNX-Index vẫn đang giảm điểm

- MA20 cắt xuống MA50 trong giữa tháng 3 là tín hiệu cho thấy xu hướng trung hạn của chỉ số HNX-Index chuyển sang giảm điểm.

Nhận định: Sau phiên ba phiên giảm điểm liên tiếp thì chỉ số HNX-Index đã giảm điểm qua dải dưới của dải bollinger band thì chỉ số HNX-Index đã phục hồi trở lại trong phiên hôm nay. Tuy nhiên khối lượng giao dịch lại sụt giảm so với phiên hôm qua cho thấy lực cầu giảm khi chỉ số HNX-Index tăng điểm. Với những tín hiệu kỹ thuật hiện tại thì xác suất chỉ số HNX-Index phục hồi vững chắc là không cao. Nhà đầu tư đã thực hiện chiến lược giảm tỷ trọng cổ phiếu về mức an toàn như các khuyến nghị trước đó của chúng tôi tiếp xem xét duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp. Mức hỗ trợ trung hạn cho chỉ số HNX-Index là khu vực 54 điểm.

**Khuyến nghị đã đóng**

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá đóng khuyến nghị	Hiệu suất (%)
GMD	12/12/2012	21/12/2012	Mua	17.6	19.5	16.2	17.4	-1.14
OGC	17/12/2012	21/12/2012	Mua	9.3	10.4	8.8	9.6	3.23
LSS	26/12/2012	02/01/2013	Mua	14.3	16.5	13.7	15.8	10.49
NTL	26/12/2012	03/01/2013	Mua	15.7	19	14.8	16.5	5.10
KSD	15/01/2013	18/01/2013	Mua	2.2	2.8	2	2.5	13.64
DRC	04/02/2013	07/02/2013	Mua	33.8	40	32	41.5	22.78
PGC	06/02/2013	21/02/2013	Mua	9.6	14	8.9	10.4	8.33
SII	09/04/2013	12/04/2013	Mua	15.2	18	14.5	15.1	-0.66

Ghi chú:

Khuyến nghị được đưa ra thuần túy dựa trên phân tích kỹ thuật và chỉ mang tính chất tham khảo.

Khuyến nghị bán không hàm nghĩa bán khống mà chỉ là quan điểm của chúng tôi về xu thế ngắn hạn của cổ phiếu này.

Giá hiện tại chính là mức giá đóng cửa của phiên giao dịch ngày ra báo cáo.

Khách hàng chủ động cắt lỗ khi giá tăng/giảm đến mức cắt lỗ trong khuyến nghị

Tùy thuộc vào diễn biến thị trường, chúng tôi có thể đưa ra khuyến nghị dừng lỗ hoặc chốt lãi khác so với các mức giá được đưa ra.

LỘC CỔ PHIẾU

Thị trường tăng điểm trên hai sàn với thanh khoản thấp. Áp lực cung giá thấp không lớn giúp một bộ phận phía cầu mạnh dạn hơn trong quyết định mua vào. Tuy nhiên với thực tế động lực thị trường yếu, với quan điểm ngắn hạn, chúng tôi duy trì quan điểm nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng tiền mặt ở mức cao. Chúng tôi cũng bảo lưu đánh giá nhóm cổ phiếu Bluechips có yếu tố cơ bản tốt, có kỳ vọng lợi nhuận 2013 đột biến, có khả năng chia cổ tức/thưởng, phát hành thêm cổ phiếu vẫn sẽ là tâm điểm thu hút dòng tiền.

Chúng tôi thống kê chỉ tiêu tài chính của 10 cổ phiếu thịnh dư vốn cổ phần cao nhất, 10 cổ phiếu có lợi nhuận chưa phân phối cao nhất, 10 cổ phiếu có kế hoạch cổ tức năm 2013 cao nhất để nhà đầu tư tham khảo.

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ THẠNG DƯ VỐN CỔ PHẦN CAO NHẤT

Mã CK	LN Q1.2013	LN Q1 YOY	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	Thặng dư vốn CP	Beta	PB	Kế hoạch cổ tức 2013
MSN	0	-	87,003	2,087	20,201	3.49%	8.47%	53.18	7,999	1.57	5.49	-
VIC	0	-	174,623	2,041	15,071	3.44%	18.42%	30.13	3,974	0.72	4.08	-
PVI	58	-60.84%	17,144	1,814	25,970	4.10%	6.74%	8.49	3,323	0.66	0.59	-
BVH	0	-	438,273	1,981	17,802	3.00%	11.34%	23.22	3,184	2.23	2.58	-
HAG	0	-	763,434	645	18,150	1.23%	3.65%	32.86	2,881	1.43	1.17	-
GMD	0	-	508,388	944	40,143	1.52%	2.40%	29.88	2,471	2.21	0.70	-
HPG	0	-	707,048	2,385	19,294	5%	13%	11.11	2,207	1.22	1.37	2,000
KDC	0	-	59,551	2,239	25,076	6.24%	9.02%	21.21	2,190	0.10	1.89	-
PVD	0	-	252,088	6,878	33,216	7.70%	21.94%	5.67	1,382	0.96	1.17	-
VNM	1,640	29.09%	342,916	6,981	18,578	32.99%	41.61%	17.91	1,277	0.94	6.73	-

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI CAO NHẤT

Mã CK	LN Q1.2013	LN Q1 YOY	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	LN chưa phân phối	Beta	PB	Kế hoạch cổ tức 2013
MSN	0	-	87,003	2,087	20,201	3.49%	8.47%	53.18	5,967	1.57	5.49	-
VNM	1,640	29.09%	342,916	6,981	18,578	32.99%	41.61%	17.91	5,199	0.94	6.73	-
GAS	2,585	12.06%	868,772	5,175	14,350	21.61%	38.71%	10.43	5,072	0.71	3.76	-
FPT	321	-5.73%	259,285	5,670	22,574	10.57%	26.32%	6.58	3,181	0.97	1.65	-
PVD	0	-	252,088	6,878	33,216	7.70%	21.94%	5.67	2,043	0.96	1.17	-
DPM	538	-41.79%	580,491	7,983	23,579	30.36%	35.11%	5.24	1,975	1.10	1.77	-
BVH	0	-	438,273	1,981	17,802	3.00%	11.34%	23.22	1,726	2.23	2.58	-
PVS	241	2.66%	629,355	3,211	20,974	5.00%	18.40%	4.11	1,568	0.61	0.63	-
HAG	0	-	763,434	645	18,150	1.23%	3.65%	32.86	1,497	1.43	1.17	-
HPG	0	-	707,048	2,385	19,294	5.44%	12.83%	11.11	1,393	1.22	1.37	2,000

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ KẾ HOẠCH TRẢ CỔ TỨC NĂM 2013 CAO NHẤT

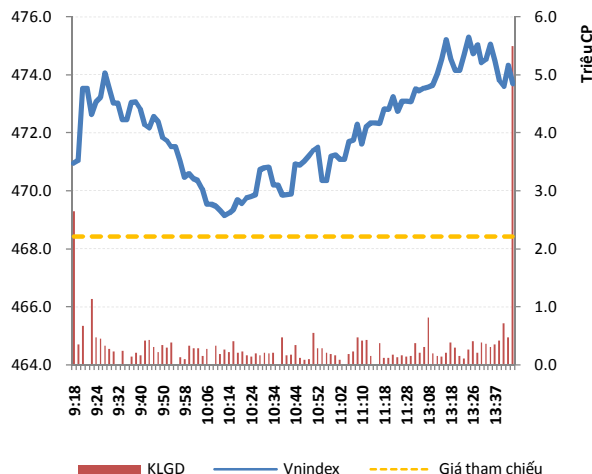
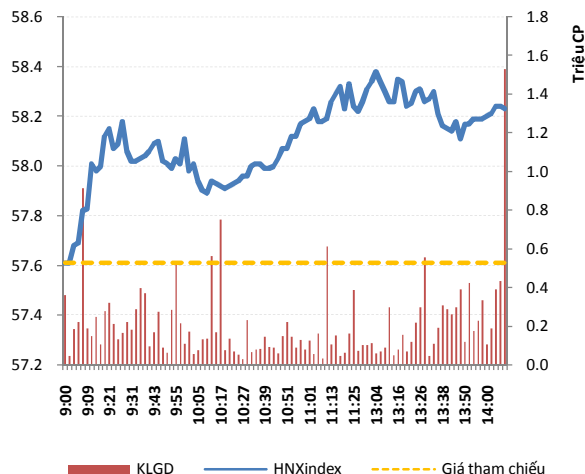
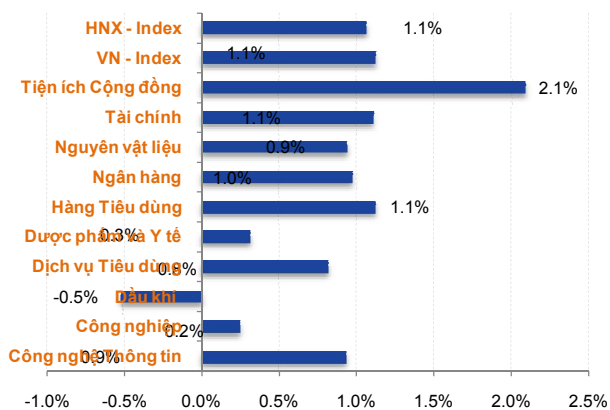
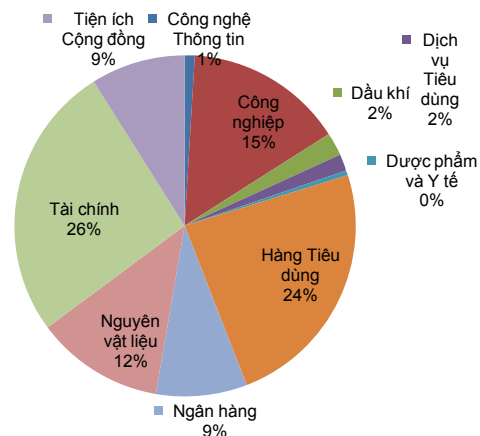
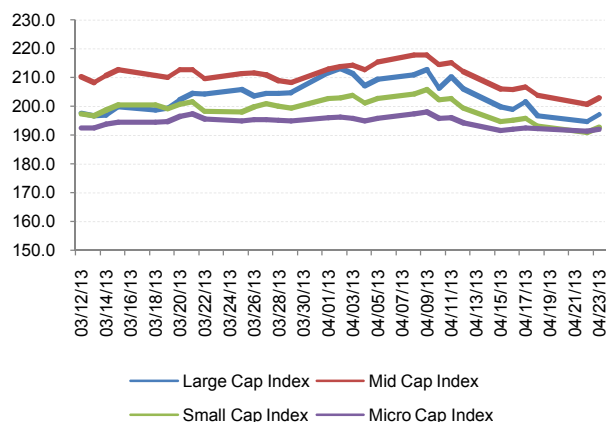
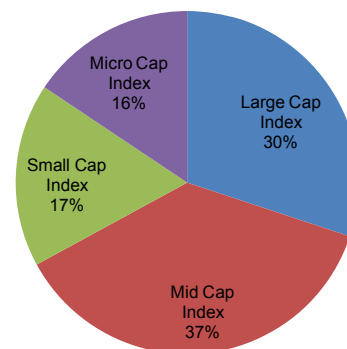
Mã CK	LN Q1.2013	LN Q1 YOY	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	Công nợ/VCSH	Beta	PB	Kế hoạch cổ tức 2013
PHR	228	34.85%	132,756	7,587	24,897	19.44%	31.78%	4.30	1	0.50	1.31	3,000
NSC	16	-14.12%	9,862	7,793	26,687	20.54%	32.20%	8.85	0	0.40	2.59	3,000
TRC	0	-	10,248	11,613	43,444	23.13%	28.20%	4.22	0	0.09	1.13	3,000
DRL	8	0.01%	2,380	4,109	11,509	31.42%	33.36%	5.96	0	0.00	2.13	3,000
SEB	15	-33.77%	4,000	5,023	15,967	17.80%	33.03%	4.88	1	0.37	1.53	2,600
C47	3	-52.34%	5,487	2,686	19,440	1.47%	13.92%	6.22	9	-0.12	0.86	2,500
KSB	0	-	15,209	5,021	24,831	13.42%	20.75%	4.22	1	0.35	0.85	2,500
HRC	1	-96.58%	663	5,141	28,060	13.91%	18.88%	9.63	0	0.22	1.76	2,500
HAI	0	-	451	2,769	23,684	6.97%	12.51%	7.55	1	0.65	0.88	2,000
CAP	3	149.60%	7,762	11,964	27,236	20.38%	47.18%	4.51	1	-0.47	1.98	2,000

Ghi chú:

EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 23/04/2013.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH
KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VOS	465,300	ITA	663,790
2	GAS	276,600	EIB	496,640
3	KBC	205,140	STB	289,120
4	DRC	126,750	HAG	288,470
5	PET	95,080	ITC	156,200

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VND	250,000	VC1	336,100
2	DXP	149,400	PVS	208,200
3	API	147,000	EID	30,000
4	PGS	118,000	DBC	15,100
5	VNR	88,800	SHB	7,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	5.6	5.9	↑ 5.36%	3,306,050
KBC	5.9	6.3	↑ 6.78%	1,544,090
VHG	3.4	3.3	↓ -2.94%	1,095,950
SII	14.0	13.8	↓ -1.43%	1,040,470
TPC	9.5	9.6	↑ 1.05%	899,730

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SCR	6.1	6.4	↑ 4.92%	3,196,300
SHB	6.3	6.4	↑ 1.59%	3,175,450
PVX	4.3	4.4	↑ 2.33%	1,923,300
KLS	8.0	8.2	↑ 2.50%	1,334,500
SHS	6.0	6.2	↑ 3.33%	792,400

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PPC	18.8	20.1	1.3	↑ 6.91%
RIC	5.8	6.2	0.4	↑ 6.90%
VRC	4.4	4.7	0.3	↑ 6.82%
BTP	11.8	12.6	0.8	↑ 6.78%
KBC	5.9	6.3	0.4	↑ 6.78%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HHL	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
NHA	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%
SHN	1.0	1.1	0.1	↑ 10.00%
VHH	2.0	2.2	0.2	↑ 10.00%
VTC	2.0	2.2	0.2	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VES	0.9	0.8	-0.1	↓ -11.11%
VSG	0.9	0.8	-0.1	↓ -11.11%
AGF	21.5	20.0	-1.5	↓ -6.98%
IFS	8.6	8.0	-0.6	↓ -6.98%
SSC	37.8	35.2	-2.6	↓ -6.88%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SD8	0.7	0.6	-0.1	↓ -14.29%
THV	0.8	0.7	-0.1	↓ -12.50%
GGG	0.9	0.8	-0.1	↓ -11.11%
TKU	11.0	9.9	-1.1	↓ -10.00%
VIE	4.0	3.6	-0.4	↓ -10.00%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	3,306,050	0.6%	71	82.6	0.4
KBC	1,544,090	-10.4%	(1,503)	-	0.5
VHG	1,095,950	-9.6%	(1,446)	-	0.2
SII	1,040,470	22.8%	2,639	5.2	1.1
TPC	899,730	7.3%	1,102	8.7	0.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SCR	3,196,300	4.0%	622	10.3	0.4
SHB	3,175,450	22.0%	2,761	2.3	0.6
PVX	1,923,300	-47.8%	(3,714)	-	0.6
KLS	1,334,500	0.4%	55	149.9	0.7
SHS	792,400	-0.1%	(10)	-	0.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PPC	↑ 6.9%	14.2%	1,587	12.7	1.6
RIC	↑ 6.9%	0.8%	125	49.4	0.4
VRC	↑ 6.8%	0.1%	10	470.1	0.4
BTP	↑ 6.8%	19.5%	3,096	4.1	0.8
KBC	↑ 6.8%	-10.4%	(1,503)	(4.2)	0.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HHL	↑ 12.5%	-112.4%	(5,142)	(0.2)	0.4
NHA	↑ 10.0%	0.5%	51	64.6	0.3
SHN	↑ 10.0%	-88.1%	(3,922)	(0.3)	0.4
VHH	↑ 10.0%	-2.2%	(224)	(9.8)	0.2
VTC	↑ 10.0%	-6.7%	(724)	(3.0)	0.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VOS	465,300	-2.4%	(251)	-	0.4
GAS	276,600	38.7%	5,175	10.4	3.8
KBC	205,140	-10.4%	(1,503)	-	0.5
DRC	126,750	29.8%	4,812	8.2	2.2
PET	95,080	15.3%	2,709	6.4	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	250,000	6.8%	758	11.5	0.8
DXP	149,400	38.0%	9,957	6.7	2.4
API	147,000	-37.3%	(4,505)	-	0.3
PGS	118,000	19.5%	3,981	4.5	0.8
VNR	88,800	11.2%	2,537	7.9	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	104,191	41.6%	6,981	17.9	6.7
GAS	102,330	38.7%	5,175	10.4	3.8
MSN	76,288	8.5%	2,087	53.2	5.5
VCB	62,570	12.5%	2,236	12.1	1.5
VIC	57,081	18.4%	2,041	30.1	4.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,909	6.4%	834	19.1	1.2
SQC	8,778	12.6%	1,471	54.3	6.4
PVS	5,896	18.4%	3,211	4.1	0.6
SHB	5,671	22.0%	2,761	2.3	0.6
VCG	4,196	2.0%	291	32.6	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVF	2.41	0.7%	76	105.6	0.7
BVH	1.96	11.3%	1,981	23.2	2.6
HSG	1.83	20.1%	4,027	9.5	1.9
VIP	1.82	6.3%	917	7.9	0.5
IJC	1.69	6.0%	670	12.7	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
ORS	2.90	-0.3%	(24)	-	0.3
THV	2.89	-174.5%	(5,865)	-	4.0
PVX	2.88	-47.8%	(3,714)	-	0.6
PVA	2.85	-80.0%	(6,631)	-	0.8
SHS	2.80	-0.1%	(10)	-	0.8



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Lê Thanh Hòa

Hoa.lt@shs.com.vn

Đoàn Thị Ánh Nguyệt

nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)